

Bản án số: 84/2019/HS-PT
Ngày 22-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại D Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2019/TLPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo Phạm Minh Đ, Dương Thành G, Nguyễn Long V, Lê Phước G. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Họ và tên các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Minh Đ, sinh năm 1986 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh B, sinh năm 1957, không xác định được mẹ; có vợ là Huỳnh Thị M, sinh năm 1991; có 01 người con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Dương Thành G, sinh năm 1974 tại tỉnh V Long; nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1935; có vợ là Huỳnh Thị S, sinh năm 1969; có 02 người con (sinh năm 1993 và năm 1995); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Nguyễn Long V, sinh năm 1977 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi thường trú: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1935; có vợ là Trần Thị Đ, sinh năm 1979; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Lê Phước G, sinh năm 1986 tại tỉnh Hậu Giang; nơi thường trú: Ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước T, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị Đ1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; có 02 người con (sinh năm 2008 và năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Họ và tên bị cáo không có kháng cáo:

Lê Văn D, sinh năm 1979 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V (đã chết) và bà Trần Thị D1, sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980; có 01 người con (sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến nay; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 bị cáo do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 09 giờ ngày 01/4/2018, Nguyễn Long V, Dương Thành G, Lê Phước G và Phạm Minh Đ ngồi nói chuyện với nhau tại vườn cao su phía trước quán cà phê của ông Bùi Văn C1 thuộc ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương thì gặp Phan Văn K mang theo 01 con gà nòi màu vàng. K nói V tìm ai có gà tương đương với gà của K cấp kèo đá ăn tiền. V xem gà của K xong thì gọi điện thoại nói Nguyễn Văn L1 mang con gà nòi màu vàng của L1 đến đá ăn tiền với gà của K. L1 đồng ý và ôm gà đi cùng với Nguyễn Văn R, Phạm Văn T4, Lê Văn D đến chỗ K và V đang đợi để đá gà.

Nhóm của V và nhóm của L1 gặp nhau thì V đại D cho nhóm của K, còn D đại D cho nhóm của L1 thỏa thuận với nhau về việc cấp kèo cho gà của K đá với gà của L1, 01 trận với số tiền cược là 8.000.000 đồng. Gà của K nặng hơn gà của L1 nên nếu gà của K thắng thì bên nhóm L1 chung 6.400.000 đồng. Sau khi nghe V và D thỏa thuận xong kèo đá giữa 02 con gà của K và L1 thì các đối tượng đánh bạc lập thành 02 nhóm: Nhóm của V gồm V, K, G và G, nhóm của L1 gồm L1, D, T4 và R. Riêng Đ không tham gia cược mà đi mượn cân, cựa gà và băng keo dùng để băng cựa gà và làm trọng tài. Bên nào thua thì đưa tiền cho Đ sau đó Đ giao tiền lại cho bên thắng. Đ thỏa thuận trực tiếp với 02 nhóm là cứ 1.000.000 đồng tiền cược thì Đ lấy 50.000 đồng tiền trọng tài.

Nhóm của D, L1, T4 và R thỏa thuận góp số tiền 8.000.000 đồng như sau: D và L1 đứng ra chịu, trong đó: D chịu 4.000.000 đồng, gồm D 1.000.000 đồng, phần còn lại của những người không rõ nhân thân, lai lịch. L1 chịu 4.000.000 đồng, gồm L1 1.000.000 đồng, T4 chịu 2.000.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng của một người đàn ông không rõ lai lịch), R 1.000.000 đồng.

Nhóm của V, K, G và G thỏa thuận góp số tiền 8.000.000 đồng như sau: K và V đứng ra chịu, K chịu 4.000.000 đồng, gồm có K góp 400.000 đồng, số tiền còn lại của những người khác không rõ lai lịch, V chịu 4.000.000 đồng, gồm V 750.000 đồng, G 750.000 đồng, G 200.000 đồng, số tiền còn lại của những người khác không rõ lai lịch.

Sau khi cấp kèo và thỏa thuận tiền cược xong thì Đ mang cân ra cho K và L1 kiểm tra trọng lượng gà. Đ làm trọng tài và đếm 1, 2, 3 để V và D cùng thả 02 con gà của K và L1 ra đá với nhau. Khi 02 con gà đang đá, chưa có kết quả thắng thua thì Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã B phối hợp với Công an xã A đến, tất cả bỏ chạy khỏi hiện trường. Vật chứng thu giữ bao gồm: 02 con gà đá; 01 cân hiệu Nhơn Hòa loại 05 kg màu xanh; 02 cặp cựa gà; 18 cuộn băng keo, gồm 04 cuộn đã sử dụng và 14 cuộn chưa sử dụng.

Ngoài ra, trước đó vào lúc 08 giờ, Nguyễn Long V còn làm trọng tài cho trận đá gà thắng thua bằng tiền giữa 01 con gà nòi của N (không rõ lai lịch) và 01 con gà nòi của B1 (không rõ lai lịch). Số tiền cược là 4.000.000 đồng. Trận này Nguyễn Văn L1 tham gia cấp kèo, Phạm Minh Đ là người chuẩn bị băng keo, cựa và cân gà, Nguyễn Long V làm trọng tài, Lê Phước G tham gia cược 500.000 đồng với 01 người không rõ lai lịch. Kết quả gà B1 thua nên B1 đưa số tiền 4.000.000 đồng cho V, rồi V đưa cho N 3.800.000 đồng, còn lại 200.000 đồng V đưa cho Đ 150.000 đồng tiền băng keo, cựa gà và cân, V giữ lại 50.000 đồng tiền làm trọng tài.

Quá trình điều tra các bị cáo đã nộp lại số tiền như sau: Nguyễn Long V nộp lại 800.000 đồng, gồm 750.000 đồng tiền đánh bạc và 50.000 đồng tiền thu lợi bất chính; Nguyễn Văn K nộp lại 400.000 đồng; Lê Phước G nộp lại 750.000 đồng; Nguyễn Văn L1 nộp lại 800.000 đồng; Phạm Văn T4 nộp lại 800.000 đồng; Nguyễn Văn R nộp lại 800.000 đồng.

Đối với Lê Văn D, sau khi bị phát hiện đã bỏ trốn, đến ngày 08/11/2018 bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Long V, Dương Thành G, Lê Phước G, Phạm Minh Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Long V 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Phước G 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Dương Thành G số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lê Văn D 10 (mười) tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn L1 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”; bị cáo Phạm Văn T4 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Văn R 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Phan Văn K 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “Đánh bạc”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2019, các bị cáo Lê Phước G, Nguyễn Long V, Phạm Minh Đ có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Ngày 18/3/2019, bị cáo Dương Thành G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đại D Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo G nói lời sau cùng: Bị cáo còn 02 người con nhỏ, cha mẹ già, mong Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo về lo cho cha mẹ già và con nhỏ.

Bị cáo G nói lời sau cùng: Bị cáo làm công nhân, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng: Bị cáo nghèo khổ, mức hình phạt quá nặng, mong Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo về nuôi con.

Bị cáo V nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 01/4/2018, tại vườn cao su phía trước đối D với quán cà phê của ông Bùi Văn C1 thuộc ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo V, K, G, Đ, L1, R, T4, D và một số người không rõ lai lịch đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi đá gà thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 14.400.000 đồng, trong đó Đ tham gia làm trọng tài, R sử dụng 800.000 đồng, T4 sử dụng 800.000 đồng, L1 sử dụng 800.000 đồng, D sử dụng 800.000 đồng, V sử dụng 750.000 đồng, G sử dụng 750.000 đồng, K sử dụng 400.000 đồng và G sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Số tiền còn lại là của những người khác không rõ lai lịch.

Ngoài ra, trước đó khoảng 08 giờ các bị cáo V, Đ, L1 còn tham gia trận đá gà khác cùng với người tên B1 và N (không rõ lai lịch). Tổng số tiền đánh bạc là 8.000.000 đồng, trong đó L1 tham gia giúp sức nhận tiền thắng kèo và giao lại cho bên thắng là N. Đ thực hiện cân, băng keo và cựa gà, còn V làm trọng tài. Trận này V thu lợi số tiền 50.000 đồng, Đ thu lợi số tiền 150.000 đồng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Đối với bị cáo G, quá trình điều tra xác định bị cáo tham gia đánh bạc 02 lần, lần thứ nhất bị cáo sử dụng số tiền 750.000 đồng để đánh bạc với các bị cáo khác với tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 16.000.000 đồng. Lần thứ hai bị cáo G sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc với một người không rõ nhân thân lai lịch với tổng số tiền đánh bạc là 1.000.000 đồng. Như vậy, hành vi đánh bạc lần thứ hai của bị cáo G không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo G phạm tội nhiều lần là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo Đ, V là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đồng thời, mức hình phạt tiền áp dụng đối với bị cáo G là phù hợp. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Đ, V, G. Đối với mức hình phạt áp dụng đối với bị

cáo G: Như đã phân tích ở trên, bị cáo G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo G là chưa phù hợp. Do đó, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo G.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo D không kháng cáo. Tuy nhiên, xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy: Bị cáo D chỉ tham gia đánh bạc 01 lần với số tiền 800.000 đồng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, việc bị cáo bỏ trốn chỉ là cơ sở để xem xét khi quyết định hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 10 (mười) tháng tù, cao hơn các bị cáo Đ, V, L1 trong khi các bị cáo này phạm tội nhiều lần là chưa phù hợp, chưa phân hóa vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án. Do đó, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo D.

Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong vụ án: Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ bị cáo D có bác ruột là Liệt sĩ, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ, G, V là phù hợp. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo G là chưa phù hợp.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Đ, V, G phải chịu. Kháng cáo của bị cáo G được chấp nhận nên bị cáo G không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 356; điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh Đ, Nguyễn Long V, Dương Thanh G. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Phước G. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B về hình phạt đối với bị cáo Lê Phước G và bị cáo Lê Văn D:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Long V 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Phước G 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Dương Thành G số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Minh Đ, Nguyễn Long V, Dương Thanh G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã B; | 2 |
| - VKSND thị xã B; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã B; | 1 |
| - CQCSĐT CA thị xã B; | 1 |
| - Bị cáo; | 5 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn